

VỀ GIỚI HẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

BÙI THỊ HẠNH*

Tóm tắt: Trong tố tụng hình sự, giới hạn xét xử sơ thẩm được coi như “bản lề” giữa giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử, thể hiện đầy đủ mối quan hệ giữa hai giai đoạn tố tụng này. Nội dung của giới hạn xét xử sơ thẩm quyết định đến phạm vi phán quyết của Tòa án so với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Hiện nay quy định về giới hạn xét xử sơ thẩm trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 còn nhiều bất cập, hạn chế, dẫn đến những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Bài viết tập trung phân tích, luận giải những bất cập đó và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện hơn quy định của pháp luật về giới hạn xét xử sơ thẩm.

Từ khóa: Nguyên tắc; giới hạn xét xử; quyết định truy tố; tội danh; Tòa án; Viện kiểm sát.

Abstract: In criminal proceedings, the limitation of first-instance trial can be seen as pivotal step between prosecution stage and adjudication stage which fully present the relationships of these stages. The content of limitation of first-instance trial decides the scope of Court's judgement based on Procurator's prosecution decision. However, regulations of this principle, as prescribed in the 2015 Criminal Procedure Code, have remained shortcomings and obstacles that led to difficulties in application. Therefore, the article focuses on analyzing these obstacles and then gives recommendations for improvement on the limitation of first-instance trial.

Keywords: Rule; limits in trial; decision to prosecute; crime; Court; Procurator.

Ngày nhận bài: 15/7/2023; Ngày sửa bài: 20/10/2023; Ngày duyệt đăng bài: 20/11/2023.

Mở đầu

Giới hạn xét xử sơ thẩm là vấn đề được đặt ra trong tố tụng hình sự, thể hiện mối quan hệ giữa hai giai đoạn tố tụng truy tố và xét xử sơ thẩm, đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể truy tố và chủ thể xét xử trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Giới hạn xét xử sơ thẩm là một bộ phận cấu thành nên giới hạn xét xử nói chung, do đó các nội dung, đặc điểm của giới hạn xét xử sơ thẩm cũng có sự tương đồng nhất định với giới hạn xét xử được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Khái niệm, ý nghĩa của giới hạn xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự

Theo Từ điển Luật học, “giới hạn của việc xét xử hình sự là phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm được xem xét và giải quyết về vụ

án”¹. Giới hạn xét xử là vấn đề đã được thể chế hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) từ rất sớm. Tuy nhiên cho đến nay, BLTTHS qua các thời kỳ cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành đều không đưa ra khái niệm mà chỉ quy định nội dung của “giới hạn xét xử”. Vì thế, trong khoa học pháp luật tố tụng hình sự hiện có nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng, giới hạn xét xử là phạm vi mà pháp luật tố tụng hình sự cho phép Tòa án được xem xét và quyết định các vấn đề cụ thể về vụ án hình sự theo các quy định của pháp luật². Quan điểm khác lại cho rằng, giới hạn của việc xét xử là phạm vi của Tòa án được xem xét, giải quyết và quyết định về chủ thể hoặc hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà Tòa án không được vượt quá khi giải quyết vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm³, hay giới hạn của việc

* TS., Đại học Kiểm sát Hà Nội; Email: buihanh76@gmail.com

¹ Từ điển Luật học (2006), Nxb. Từ điển bách khoa, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.309.

² Trần Văn Tín (1997), *Giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

³ Bùi Thị Thiên Thu (2023), *Giới hạn của việc xét xử*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

xét xử là phạm vi xét xử về hành vi bị truy tố của Tòa án tại phiên tòa⁴.

Các quan điểm trên đây có điểm chung khi chỉ ra giới hạn xét xử là phạm vi vấn đề trong vụ án hình sự mà Tòa án được xem xét, giải quyết, quyết định, tuy nhiên lại khác nhau về mức độ cụ thể khi liệt kê phạm vi của vấn đề. Theo đó, quan điểm thứ nhất chưa chỉ ra được các vấn đề thuộc phạm vi của giới hạn xét xử, quan điểm thứ hai và thứ ba tuy gọi tên được diện vấn đề bao gồm chủ thể và/hoặc hành vi, song chưa bao quát được đầy đủ nội dung của giới hạn xét xử.

Trước hết, cần phải hiểu giới hạn xét xử sơ thẩm là phạm vi mà Tòa án cấp sơ thẩm được xem xét và giải quyết trong vụ án hình sự. Phạm vi này cần được xác định rõ để đảm bảo việc xét xử là có căn cứ, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc của tố tụng hình sự. Theo đó, việc xét xử sơ thẩm chỉ được khởi động dựa trên cơ sở quyết định truy tố, theo nguyên tắc không truy tố thì không có xét xử. Trong khi đó, quyết định truy tố luôn đề cập đến phạm vi bị truy tố ra Tòa án để thực hiện việc xét xử bao gồm: ai là chủ thể có thể bị Tòa án đưa ra xét xử (bị can), đối với hành vi gì và về tội danh nào. Do đó, để thỏa mãn nguyên tắc “không có truy tố thì không có xét xử”, giới hạn xét xử trước hết phải bao gồm người/pháp nhân thương mại phạm tội và hành vi phạm tội mà Tòa án có thể đưa ra xét xử. Tiếp đến, việc xét xử sơ thẩm của Tòa án cũng có mối liên hệ nhất định đến tội danh mà Viện kiểm sát (VKS) đã truy tố, bởi đây là tiền đề, cơ sở, lý do để mở ra giai đoạn xét xử sơ thẩm. Vì vậy, nói đến giới hạn xét xử sơ thẩm là nói đến phạm vi, giới hạn giữa xét xử so với truy tố, có liên quan đến đối tượng, hành vi và tội danh, được đặt ra trong mối liên hệ giữa Tòa án với VKS.

Mặc dù truy tố là căn cứ, lý do dẫn đến xét xử sơ thẩm nhưng để đảm bảo việc xét xử sơ thẩm được khách quan, toàn diện,

đúng đắn, bảo đảm tính chất độc lập của xét xử thì giới hạn này không thể bị bó hẹp hoàn toàn trong phạm vi truy tố của VKS. Có thể nhận thấy, trong phạm vi các vấn đề thuộc về giới hạn xét xử thì “bị can” và “hành vi phạm tội” bị đưa ra xét xử là hai vấn đề Tòa án cần đảm bảo triệt để để thực hiện thực hiện nguyên tắc “không có truy tố thì không có xét xử”, đảm bảo việc xét xử là có căn cứ, không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm phải được trao sự chủ động, linh hoạt trong thẩm quyền xem xét, quyết định về tội danh, sao cho bản án kết tội phải dựa trên chứng cứ và diễn biến khách quan, thực tế tại phiên tòa, tuy nhiên thẩm quyền đó cũng cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và mô hình tố tụng đã lựa chọn.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu *giới hạn xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự là phạm vi xác định về diện các vấn đề bao gồm người phạm tội, hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án được đưa ra xét xử.*

Diện các vấn đề mà Tòa án được đưa ra xét xử thể hiện mối liên hệ giữa Tòa án và VKS, tức là mối liên hệ giữa chức năng buộc tội và chức năng xét xử. Như vậy, giới hạn xét xử là phạm vi chung, đòi hỏi mọi giai đoạn xét xử đều phải tuân thủ. Mặc dù trong tố tụng hình sự còn tồn tại các khái niệm như giới hạn xét xử phúc thẩm, giới hạn xét xử giám đốc thẩm, tuy nhiên những khái niệm này đề cập đến các phạm vi hẹp hơn, xác định trong từng giai đoạn tố tụng riêng biệt và hàm chứa mối liên hệ riêng giữa các giai đoạn xét xử. Trên bình diện chung, tất cả các giai đoạn xét xử này đều không được vượt khỏi giới hạn xét xử ban đầu, bao gồm các vấn đề như hành vi, người phạm tội và tội danh, liên quan đến diện các vấn đề mà VKS đã truy tố. Tuy nhiên, do xét xử sơ thẩm là giai đoạn đầu tiên, mang tính bản lề của cả quá trình xét xử nên nội dung của giới hạn xét xử cũng đồng thời là giới hạn riêng được đặt ra đối với giai đoạn xét xử sơ thẩm.

⁴ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

Quy định về giới hạn xét xử thể hiện sự phân định giới hạn, phạm vi quyền hạn của các chủ thể trong tố tụng hình sự. Việc VKS thực hiện chức năng buộc tội thông qua quyết định truy tố cũng chính là sự khởi động cho các chức năng bào chữa và chức năng xét xử được thực hiện⁵. Chính vì vậy, ghi nhận giới hạn xét xử là ghi nhận sự phân định rạch ròi phạm vi giữa chức năng buộc tội và chức năng xét xử, đồng thời cũng là phạm vi để người bị buộc tội và người bào chữa chủ động chuẩn bị chứng cứ, thực hiện việc tranh tụng, gỡ tội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo, bảo đảm cho Tòa án giữ đúng vai trò, vị trí trọng tài phân xử giữa hai bên tranh tụng⁶.

2. Một số vướng mắc, bất cập trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 liên quan đến giới hạn xét xử sơ thẩm của Tòa án

Có thể nhận thấy, một trong những sự thay đổi mang tính “đột phá” của BLTTHS 2015 liên quan đến giai đoạn xét xử đó là mở rộng phạm vi nội dung của giới hạn xét xử. Quy định về giới hạn của việc xét xử⁷ đã cho phép Hội đồng xét xử được linh hoạt hơn, độc lập hơn, cụ thể là:

“1. Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

3. Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó”.

Như vậy, giới hạn xét xử sơ thẩm vẫn bao gồm bị cáo, hành vi và tội danh mà VKS truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên, mức độ linh hoạt, chủ động của Tòa án trong phạm vi này đã có sự thay đổi khi mở rộng trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố, thì “Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại... có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó.” Việc mở rộng phạm vi giới hạn xét này có ý nghĩa nhằm tăng cường tính độc lập trong xét xử của Tòa án, hạn chế tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giảm áp lực cho các cơ quan thực hiện quyền tư pháp hình sự và các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp hình sự, tiết kiệm thời gian và chi phí tố tụng. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này trên thực tiễn sẽ làm nảy sinh một số bất cập. Có thể nhận thấy rõ nhất các bất cập xảy ra ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, “Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại” là trường hợp khó khả thi và không phù hợp với các trình tự tố tụng hình sự khác. Theo quy định tại khoản 3 Điều 298 BLTTHS, để xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn so với tội danh mà VKS đã truy tố, Tòa án phải trả hồ sơ để VKS truy tố lại. Song để truy tố lại về tội danh khác nhẹ hơn so với tội danh ban đầu thì VKS phải thay đổi cáo trạng. Tuy nhiên, cũng như việc xét xử của Tòa án phải dựa trên cơ sở cáo trạng, việc truy tố của VKS phải dựa trên cơ sở kết luận điều tra của Cơ quan điều tra (CQĐT). Toàn bộ kết quả điều tra này được thực hiện trên nền tảng quá trình điều tra, bắt nguồn từ quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can. Giả sử trong giai đoạn truy tố, VKS trực tiếp thu thập bổ sung chứng cứ thì cũng để nhằm củng cố hơn kết quả điều tra của CQĐT, không thể tạo ra một hướng buộc tội mới và khác so

⁵ Trần Văn Hùng (2018), “Giới hạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*.

⁶ Lê Thanh Phong, *Bàn về giới hạn xét xử trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*,

<https://kiemsat.vn/ban-ve-gioi-han-xet-xu-trong-blttth-s-nam-2015-50422.html>

⁷ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

với quyết định khởi tố ban đầu. Vì vậy, quan điểm truy tố của VKS về tội danh không thể khác với kết quả định tội của CQĐT, đồng thời cũng là kết quả quá trình thực hành quyền công tố của VKS trong suốt giai đoạn điều tra. Muốn thay đổi cáo trạng của VKS thì hàng loạt văn bản, quyết định tố tụng khác do Cơ quan điều tra ban hành như kết luận điều tra, quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can cũng phải thay đổi để phù hợp với tội danh mới. Trong khi đó, xét về nguyên tắc, chỉ đặt ra vấn đề thay đổi các văn bản, quyết định tố tụng này khi hồ sơ vụ án được trả để điều tra bổ sung. Không thể có việc thay đổi cáo trạng khi các quyết định khởi động, diễn biến của quá trình tố tụng cũng như hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên như tình trạng ban đầu. Mặt khác, nếu VKS thay đổi cáo trạng không trải qua thủ tục trả hồ sơ điều tra bổ sung thì vô hình chung lại mâu thuẫn với các trường hợp hiện đang là căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố, trong đó có trường hợp “có căn cứ khởi tố bị can phạm về một hay nhiều tội phạm khác”⁸.

Thứ hai, quy định “trường hợp Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn” là không thể vận hành trong thực tiễn. Sở dĩ như vậy là vì, tại phiên tòa sơ thẩm, VKS công bố cáo trạng, xét hỏi và luận tội nhằm bảo vệ quan điểm buộc tội theo tội danh cũ (tội danh nhẹ hơn), người bào chữa thực hiện việc bào chữa về tội danh nhẹ hơn, vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để kết án bị cáo về tội danh nặng hơn. Nếu kết án bị cáo về tội danh nặng hơn thì việc xét xử sơ thẩm trở nên vi phạm nguyên tắc “không có truy tố thì không có xét xử”, đồng thời có dấu hiệu Tòa án lấn sân sang chức năng buộc tội của VKS. Mặt khác, bản án của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa⁹, do đó việc kết án không

dựa trên quan điểm buộc tội, bào chữa và kết quả tranh tụng tại tòa là sự vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”.

Thứ ba, việc cho phép Tòa án xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn so với tội danh mà VKS đã truy tố có thể ảnh hưởng đến quyền bào chữa của người bị buộc tội. Bị cáo và người bào chữa thực hiện việc bào chữa trên cơ sở nội dung buộc tội của VKS mà họ nhận được trong cáo trạng. Nếu Tòa án xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn thì bị cáo và người bào chữa đều lâm vào thế bị động, khó khăn trong việc thực hiện quyền bào chữa đối với tội danh nặng hơn đó. Thậm chí nếu Tòa án báo trước cho bị cáo biết và bảo đảm cho họ được thực hiện quyền bào chữa thì cũng không có đủ điều kiện và thời gian để bị cáo chuẩn bị tốt nhất các quan điểm đối đáp, bào chữa cho mình.

Ngoài ra, việc quy định giới hạn xét xử tại Điều 298 BLTTHS 2015 vẫn chưa khác phục được điểm bất hợp lý trong quy định tại Điều 196 BLTTHS 2003, đó là không phân định được sự khác biệt giữa “tội” và “tội danh”. Cùng một ý tưởng cho phép/không cho phép Tòa án được quyền xét xử nhưng khoản 2 Điều 298 BLTTHS dùng từ “tội” (Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố), trong khi đó khoản 3 dùng từ “tội danh” (Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố...). Trong khi đó, BLHS và BLTTHS đều thống nhất coi “tội” là khái niệm dùng để chỉ các hành vi cụ thể, tương ứng với từng khung khoản trong quy định của Bộ luật hình sự¹⁰, còn “tội danh” là khái niệm bao quát hơn, đề cập đến tên các tội được quy định trong tên của từng điều luật¹¹. Việc Điều 298 BLTTHS sử dụng

⁸ Điều 245 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

⁹ Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

¹⁰ Điều 9 Bộ luật Hình sự.

¹¹ Khoản 2 Điều 179 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

khái niệm “tội” và “tội danh” như hiện nay thể hiện sự mâu thuẫn, thiếu nhất quán trong kỹ thuật lập pháp.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giới hạn xét xử sơ thẩm của Tòa án trong tố tụng hình sự

Về hoàn thiện quy định của BLTTHS liên quan đến giới hạn xét xử sơ thẩm của Tòa án, hiện nay có một số quan điểm cho rằng, không cần thiết quy định giới hạn xét xử trong BLTTHS hoặc nếu quy định thì cần thừa nhận Tòa án có quyền quyết định, không phụ thuộc vào tội danh mà VKS truy tố. Quan điểm này lập luận, việc quy định giới hạn xét xử làm ảnh hưởng đến tính độc lập xét xử của Tòa án, không đề cao kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ảnh hưởng đến nguyên tắc suy đoán vô tội do “Hội đồng xét xử chỉ tập trung kiểm tra tài liệu, chứng cứ xem bị cáo có phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố hay không”¹², có nghĩa bị lệ thuộc vào quan điểm buộc tội của VKS. Do đó, chế định này không phù hợp với nguyên tắc “xác định sự thật của vụ án”. Thậm chí, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không được phép tuyên bị cáo về tội danh nặng hơn so với cáo trạng của VKS truy tố dẫn đến tình trạng có trường hợp Hội đồng xét xử đã “buộc phải kiến nghị trong bản án đề nghị cấp trên kháng nghị hủy đối với bản án mình đã xử”¹³. Do đó, nhóm quan điểm này cho rằng Tòa án chỉ phụ thuộc giới hạn xét xử đối với hành vi mà VKS đã truy tố, không nên phụ thuộc về tội danh. Có như vậy thì Tòa án cũng không “buộc tội”, “lạm quyền”, vì việc xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn cũng phải nằm trong nhóm tội danh phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và Tòa án đã nêu rõ trong quyết định đưa vụ án ra xét xử¹⁴. Tuy nhiên, cách giải quyết này vẫn không tháo gỡ được sự bất cập trong cơ chế

vận hành các thủ tục tố tụng hình sự có liên quan như đã phân tích trên đây.

Như vậy, vấn đề cốt lõi để xác định có tiếp tục quy định giới hạn xét xử hay không, quy định ở mức độ nào đó là phải giải quyết được mối quan hệ giữa chức năng buộc tội và chức năng xét xử. Bản chất của chế định giới hạn xét xử sơ thẩm là mối quan hệ pháp lý giữa chức năng buộc tội và chức năng xét xử trong TTHS, đồng thời cũng là cơ sở làm phát sinh chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự. Giới hạn xét xử sơ thẩm giúp cho Tòa án ở đúng vị trí là chủ thể thực hiện chức năng xét xử chứ không phải chủ thể buộc tội. Tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, đối với VKS là chủ thể truy tố bị cáo ra xét xử trước Tòa án, VKS cũng chỉ có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn mà không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo thì chủ thể thực hiện chức năng xét xử càng không có lý do để làm điều này¹⁵. Vì vậy, Tòa án không nên quyết định đưa bị cáo ra xét xử sơ thẩm về tội danh nặng hơn so với quan điểm truy tố của VKS.

Khi thực hiện chức năng xét xử, Tòa án phải có trách nhiệm làm sáng tỏ tất cả các tình tiết của vụ án để xác định sự thật khách quan. Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án phải dựa trên cơ sở cáo trạng truy tố của VKS về bị can và hành vi. Còn về tội danh, Tòa án chỉ có quyền xét xử về tội danh khác nếu không gây bất lợi cho người bị buộc tội, tức là về tội danh bằng hoặc nhẹ hơn; hoặc không làm thay đổi tội danh mà VKS đã truy tố, tức là trong phạm vi các khoản khác nhau của cùng một điều luật. Trường hợp nhận thấy hành vi của bị can phạm vào tội danh nặng hơn, bắt buộc Tòa án phải trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhằm thay đổi tội danh trong quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và tiến

¹² Nguyễn Văn Thuận (2016), “Quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 7/2016.

¹³ Lê Thanh Phong (2018), “Bàn về giới hạn xét xử trong BLTTHS năm 2015”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 13/2018. nguồn: <https://kiemsat.vn/ban-ve-gioi-han-xet-xu-trong-blthhs-nam-2015-50422.html>

¹⁴ Lê Thanh Phong (2018), “Bàn về giới hạn xét xử trong BLTTHS năm 2015”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 13/2018. nguồn: <https://kiemsat.vn/ban-ve-gioi-han-xet-xu-trong-blthhs-nam-2015-50422.html>

¹⁵ Nguyễn Thái Phúc, “Vấn đề Giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 11/2003.

hành điều tra để củng cố, khẳng định quan điểm buộc tội đó trong kết luận điều tra đề nghị truy tố. Có như vậy mới bảo đảm quá trình điều tra được nhất quán, khách quan, toàn diện, tránh làm oan và bỏ lọt tội phạm. Như vậy, giới hạn xét xử của Tòa án vẫn phải đặt trong giới hạn được tạo ra bởi quyết định truy tố của VKS, giới hạn này hoàn toàn thống nhất với quá trình khởi tố điều tra trước đó. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc xác định sự thật trong tố tụng hình sự, theo đó các cơ quan tiến hành tố tụng đều chịu sự ràng buộc trong mối quan hệ chung, cùng có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Vì có nghĩa vụ chứng minh nên nếu nghi ngờ việc định tội danh của CQĐT và VKS là không đúng (nhẹ hơn) thì Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Để giảm thiểu các trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung, cần nghiên cứu các cơ chế một cách toàn diện đồng bộ, và đặt trong mối liên hệ với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự để việc giải quyết vụ án hình sự được đúng đắn.

Từ những phân tích trên đây cho thấy, giới hạn xét xử sơ thẩm không nên và không thể bao gồm thẩm quyền của Tòa án được xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn so với cáo trạng của VKS đã truy tố. Chỉ có thể xem xét mở rộng thẩm quyền này khi có sự thay đổi nhiều nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, như trách nhiệm chứng minh của cơ quan tiến hành tố tụng, vai trò của các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và sự tồn tại của hồ sơ vụ án.

Mặt khác, xét về kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự, Điều 298 BLTTHS cần sửa đổi “**tội**” thành “**tội danh**” trong nội dung quy định tại khoản 2. Cách quy định “tội” như hiện nay đang tạo nên sự trùng lặp với khái niệm “khoản” đã đề cập đến trước đó, vì nói đến khung khoản là nói đến loại tội (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng,...), đồng thời cũng không phù hợp với cách quy định tại khoản 3 (sử dụng khái niệm “tội danh”). Vì vậy, khoản 2 Điều 298 BLTTHS nên sửa thành:

“2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một **tội danh** khác bằng hoặc nhẹ hơn **tội danh** mà Viện kiểm sát đã truy tố”.

Kết luận

Giới hạn xét xử sơ thẩm thể hiện mối quan hệ giữa hai giai đoạn tố tụng quan trọng là truy tố và xét xử sơ thẩm, nhưng đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ giữa truy tố và xét xử, mối quan hệ giữa chủ thể buộc tội và chủ thể xét xử trong tố tụng. Do đó, hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến giới hạn xét xử sơ thẩm cũng chính là góp phần minh bạch, rõ ràng hơn các vị trí, chức năng trong tố tụng; từ đó mỗi chủ thể tố tụng thực hiện tốt hơn vai trò của mình, nhằm hướng tới giải quyết vụ án hình sự được đúng đắn, khách quan, toàn diện và đầy đủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
2. Bùi Thị Thiên Thu (2023), *Giới hạn của việc xét xử*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.
3. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Trần Văn Hùng (2018), “Giới hạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*.
5. Trần Văn Tín (1997), *Giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Thuần (2016), “Quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 7/2016.
7. Lê Thanh Phong, *Bàn về giới hạn xét xử trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, <https://kiemsat.vn/ban-ve-gioi-han-xet-xu-trong-blthhs-nam-2015-50422.html>
8. Nguyễn Thái Phúc, “Vấn đề Giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 11/2003.